

**Unit 6: Pronunciation (trang 5)**

**1. (trang 5 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Find the word with a stress pattern that is different from the others. (Tìm từ có trọng âm khác với những từ còn lại)

1. A 2. B 3. C

4. D 5. C 6. A

**2. (trang 5 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read the following sentences aloud. Underline the two-syllable words and put a mark (ˈ) before the stressed syllable. (Đọc to các câu sau đây. Gạch dưới các từ có hai âm tiết và đặt một dấu (ˈ) trước trọng âm)

1. 'working, 'mothers, in'spire

2. pur'sue, ca'reer, be'come, 'doctor

3. 'workforce, 'textile, 'factory, 'female

4. 'students, ad'mired, 'teaching

5. 'women, 'husbands'

6. 'female, 'famous, 'courage

**Unit 6: Vocabulary and Grammar (trang 5)**

**1. (trang 5 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Complete the following sentences, using the phrases given in the box in the correct form. Make changes to the word forms when necessary. (Hoàn thành các câu sau, sử dụng các cụm từ được đưa ra trong hộp trong đúng mẫu. Thay đổi các mẫu từ khi cần thiết)

1. becoming a childcare worker

2. promote gender equality

3. joined the army

4. had a preference

5. getting more important
6. satisfy their children's needs

**Hướng dẫn dịch:**

1. Anh họ của tôi đang nghĩ về việc trở thành một người chăm sóc trẻ vì anh ấy rất yêu trẻ con.
2. Chính phủ đã làm rất nhiều để cải thiện bình đẳng giới trong giáo dục, lao động và chăm sóc sức khỏe.
3. Một người đàn ông lớn tuổi đã tham gia vào quân đội trong thời chiến và để lại một cánh tay trên chiến trường.
4. Trong quá khứ, một vài bậc cha mẹ thích con trai hơn con gái.
5. Lương của người phụ nữ đang ngày càng trở nên quan trọng hơn với thu nhập của gia đình.
6. Các bà mẹ làm việc giúp chồng của họ chu cấp cho con gái họ tốt hơn.

**2. (trang 6 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Choose the correct passive modals a - f in the boxes to complete sentences 1 - 6. (Chọn các động từ khuyết thiếu ở dạng bị động chính xác a - f trong các ô để hoàn thành câu 1 - 6)

1. c 2. d 3. e
4. f 5. b 6. a

**Hướng dẫn dịch:**

1. Mặt trời mọc có thể được nhìn thấy trong vài tiếng đồng hồ sáng sớm.
2. Tôi nghĩ mọi người nên có được khả năng tiếp cận với dịch vụ y tế như nhau.
3. Sữa nên được giữ trong tủ lạnh hoặc nó sẽ bị chua.
4. Việc quan trọng sẽ được làm trước.
5. Một đứa trẻ không nên được cho mọi thứ mà nó đòi hỏi.

6. Anh ấy có thể được thưởng vì những cống hiến của anh trong vấn đề bình đẳng giới.

**3. (trang 6 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Complete the incomplete sentence so that it means the same as the one above it. Use the passive voice. (Hoàn thành câu không đầy đủ để nó có ý nghĩa như câu trên. Sử dụng dạng bị động)

1. might be given
2. must be eliminated
3. will be sued
4. should be offered
5. can be encouraged
6. must not be allowed

**4. (trang 7 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Choose the correct endings for the sentences. (Chọn kết thúc chính xác cho các câu)

1. a 2. b 3. a
4. b 5. a 6. b

**5. (trang 8 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Some of the verbs in the following sentences are incorrect. Underline the verbs and correct them if necessary. (Một số động từ trong các câu sau đây là không chính xác. Gạch dưới động từ và sửa chúng nếu cần)

Mistake	Correction
1 The students must <u>give</u> enough time to finish their tests.	be given
2 I'll be <u>pay</u> at the end of the month.	paid
3 This wine can be <u>serve</u> with seafood.	served
4 You will be told the story later.	(Correct)
5 The work should <u>do</u> by one of the students.	be done

6 Music with strong rhythm and harmony could heard on his debut be heard album.

**Unit 6: Reading (trang 8)**

**1a. (trang 8 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read the text about Amelia Mary Earhart. Choose the best title for it. (Đọc nội dung về Amelia Mary Earhart. Chọn tiêu đề tốt nhất cho nó.)

b. A Courageous Flying Woman

**Hướng dẫn dịch:**

'Người phụ nữ có thể tạo ra công việc của mình là người phụ nữ sẽ giành được danh vọng và tài sản' - Amelia Earhart

Amelia Earhart sinh năm 1897 ở Kansas, một bang nằm ở miền trung Tây của Mỹ. Bà thể hiện sự đam mê cho khoa học và thể thao ở trường học. Sau khi học xong, bà trở thành một y tá cho hội chữ thập đỏ, nơi bà biết nhiều những người phi công bị thương và ngưỡng mộ ngành hàng không. Earhart đi học trường y dược ở Đại học Columbia, nhưng bà bỏ học sau 1 năm và sớm theo học những khóa học về bay. Năm 1928, bà trở thành người phụ nữ đầu tiên bay ngang qua biển Atlantic và người đầu tiên bay trên cả biển Atlantic và biển Thái Bình Dương. Bà tạo ra nhiều kỉ lục và viết những quyển sách bán chạy nhất về kinh nghiệm bay của mình, đưa ra lời khuyên cho những người phụ nữ trong sự nghiệp và giúp truyền cảm hứng cho họ. Năm 1937, bà biến mất một cách bí ẩn trong một chuyến bay. Cho đến hôm nay, cuộc đời và sự nghiệp của bà vẫn còn thật tuyệt vời trong mắt nhiều người.

**b. (trang 9 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Decide if the following statements are true (T), false (F) or not given (NG). Tick the correct boxes. (Quyết định xem các câu sau đây là đúng (T), sai (F) hay không xác định (NG). Đánh dấu đúng ô)

1. F 2. NG 3. F

4. T 5. F 6. T

**c. (trang 9 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read the text again. Answer the questions. (Đọc văn bản một lần nữa. Trả lời các câu hỏi)

1. She was born in Kansas, the USA, in 1897.

2. She showed an early aptitude for science and sports.
3. She worked as a nurse for the Red Cross and got to know many of the wounded pilots.
4. She became the first woman to fly across the Atlantic Ocean and the first person to fly over both the Atlantic and Pacific.
5. She set many other records, wrote best-selling books, contributed to The Ninety-Nines, gave advice to women on careers and helped inspire others.
6. She mysteriously disappeared in a flight.

**2a. (trang 9 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read the text about Education and Gender Equality. Fill each blank with an appropriate word from the box. (Đọc văn bản về Giáo dục và Bình đẳng Giới. Điền vào mỗi ô bằng một từ thích hợp từ hộp)

1. e 2. c 3. d 4. b 5. a

### Hướng dẫn dịch:

Giáo dục giúp cho phụ nữ có được bình đẳng.

Đầu tiên, giáo dục cho người phụ nữ kiến thức cần thiết cho cuộc sống của họ. Đó là điều không thể với một người phụ nữ để trở thành một bác sĩ, giáo viên hay một luật sư mà không có những hiểu biết đầy đủ. Giáo dục nhận ra những ước mơ của phụ nữ về việc có công việc với mức lương như đàn ông.

Thứ hai, giáo dục tạo nên tính cách của phụ nữ. Nó dạy họ về cuộc sống và phát triển khả năng suy nghĩ, phân tích và phán đoán của họ. Phụ nữ với cá tính mạnh thường quyết định cuộc sống của họ mà không cần phụ thuộc vào người chồng.

Cuối cùng, giáo dục nâng cao vị trí của người phụ nữ cả trong gia đình và ngoài xã hội. Những người phụ nữ có giáo dục có khả năng nhận được việc lương cao hơn, kiếm nhiều tiền hơn và trở nên quan trọng hơn trong gia đình. Họ có thể tham gia vào hoạt động chính trị và có được những vị trí quan trọng như lãnh đạo, chính quyền hay nhà chính trị.

**b. (trang 10 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Look for the words from the text which mean: (Tìm các từ trong văn bản có nghĩa là:)

1. lawyer 2. judge 3. dependent 4. position 5. politician

**c. (trang 10 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Read the text again. Answer the following questions. (Đọc văn bản một lần nữa. Trả lời các câu hỏi sau đây)

1. It gives them knowledge necessary for their lives.
2. It realises women's dreams of having jobs with the same pay as men.
3. It teaches them about life and develops their abilities to think, analyse and judge.
4. They often make decisions about their own lives without being dependent on their husbands.
5. Educated women are likely to get well-paid jobs, earn more money and become more important at home.
6. They can join political activities and gain important positions as leaders, policy makers or politicians.

### **Unit 6: Speaking (trang 10)**

**1. (trang 10 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Work in pairs. Ask questions to fill the gaps with the missing information about Alice Stebbin Wells - the first US-born policewoman. Student A, look at the information below. Student B, look at the information on page 11. (Làm việc theo cặp. Đặt câu hỏi để lấp đầy khoảng trống với thông tin còn thiếu về Alice Stebbin Wells - nữ cảnh sát trưởng người Mỹ đầu tiên. Sinh viên A, xem thông tin dưới đây. Học sinh B, nhìn vào thông tin ở trang 11)

Student A: When was Alice Stebbin Wells born?

Student B: She was born in 1873. Where was she born?

Student A: She was born in Kansas. What did she see when she was young?

Student B: She saw crimes. Do you know who did crimes involve?

A: Teenagers and women. What did she decide to become?

B: She decided to be become a police officer. What did she believe that she could do?

A: She believed she can help more. Who welcomed her?

B: Nobody. Who did she keep asking and persuading?

A: Police authorities. Who was accepted to the police force?

B: Alice Wells. Where was she accepted to the police force?

A: Los Angeles. When was she accepted to the police force?

B: 1910. What did she become?

A: A police officer. Who did her story interest?

B: Her story interested people. Which film was about her?

A: The Policewoman. When was the film made?

B: 1914. What did she actively do?

A: She worked. Who became the first president of the Women's Peace Officers Association of California?

B: Alice Wells. When did she become the first president of the Women's Peace Officers Association of California?

A: 1928. When did she pass away?

B: In 1957.

**2. (trang 11 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Work with a partner. Ask questions to get information about Margaret Thatcher, the first British Female Prime Minister, using the cues given below. (Làm việc cùng người bạn. Đặt câu hỏi để biết thông tin về Margaret Thatcher, nữ Thủ tướng đầu tiên của Anh, sử dụng các manh mối dưới đây)

A: When was Margaret Thatcher born?

B: In 1925.

A: Where did she study?

B: She was a student of Chemistry, Oxford University from 1943 to 1947.

A: What did she do?

B: She was a member of Parliament from 1959 to 1975 and the leader of the Conservative Party from 1975 to 1979.

A: Who was the first British female Prime Minister?

B: Margaret Thatcher.

A: When did she die?

B: In 2013.

### **Unit 6: Writing (trang 11)**

**1. (trang 11 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Write full sentences about Margaret Thatcher's life, using the following words and phrases. (Viết câu đầy đủ về cuộc đời của Margaret Thatcher, sử dụng các từ và cụm từ sau.)

1. Margaret Thatcher was born in Grantham, Lincolnshire, on 13th of October, 1925. / Margaret Thatcher was born in Grantham, Lincolnshire, on October 13th 1925.

2. Thatcher was a good student, so she was accepted into Oxford University, where she became interested in politics.

3. She was elected a Member of Parliament in 1959 and actively worked for the party leadership.

4. Thatcher won the party leadership election in 1975 and became the leader of the Conservative Party.

5. When her party won the election in 1979, Thatcher became Prime Minister of the UK and held this position for 11 years.

6. She died in London on 8th of April, 2013, at the age of 87

**2. (trang 12 SBT Tiếng Anh 10 mới)** Write about Margaret Thatcher's achievements, using the information given below. (Viết về thành tựu của Margaret Thatcher, sử dụng thông tin dưới đây)

1. Margaret Thatcher was the first woman to lead a major political party in the UK / United Kingdom.



2. She was the first British female Prime Minister and was the longest serving PM for over 150 years.
3. Her first term in office was not easy, but her government successfully reduced the unemployment rate and improved the economy.
4. Her reputation was gradually built up, which led to her re-election in 1983 and a third term in office in 1987.
5. Thatcher worked very hard to be a good wife and mother as well as one of the most famous British politicians, whose nickname was 'the Iron Lady'.
6. All her life, she tirelessly fought for her beliefs. Not everyone agreed with her methods.